

**BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN
KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2022**

*(Phục vụ công bố thông tin của doanh nghiệp Nhà nước
theo Nghị định 47/2021/NĐ-CP ngày 01/4/2021)*

I- TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2022

1. Môi trường hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2022

Năm 2022, dịch bệnh Covid-19 diễn biến phức tạp và khó lường, số ca nhiễm tăng cao trong quý I/2022 dẫn đến tình trạng thiếu hụt lao động tại các doanh nghiệp. Xung đột giữa Nga và Ukraine tác động lớn đến nền kinh tế toàn cầu: giá lương thực, nhiên liệu (*gas, xăng, dầu*) tăng cao đột biến đẩy giá các mặt hàng vật tư dung môi, hóa chất liên quan đến ngành hóa dầu và chi phí vận chuyển tăng cao. Tỷ giá ngoại tệ và lãi vay thương mại tăng trong quý III và quý IV/2022 tác động trực tiếp đến chi phí hoạt động của các doanh nghiệp trong nước. Trong bối cảnh thiếu hụt nguồn cung, tỷ giá ngoại tệ tăng và chi phí vận chuyển ở mức cao đã đẩy giá nhập khẩu các mặt hàng nguyên vật liệu chính để sản xuất phụ liệu thuốc lá (*tow, giấy in nhãn, giấy sếp...*) và nguyên liệu thuốc lá nhập khẩu tăng cao.

Tại thị trường nội địa, cạnh tranh trong ngành diễn ra gay gắt. Thuốc lá nhập lậu quay trở lại và các phương thức buôn lậu ngày càng tinh vi khi các tỉnh, thành phố bắt đầu trở lại trạng thái bình thường mới. Bên cạnh đó, diễn biến thời tiết bất thường đã tác động rất lớn đến sản lượng và chất lượng nguyên liệu sản xuất trong nước. Tình trạng tranh mua tranh bán trên thị trường đẩy giá bán nguyên liệu nội địa tăng cao.

Các khoản thu phí bắt buộc từ các chính sách, quy định mới làm phát sinh chi phí lớn cho các doanh nghiệp sản xuất thuốc lá trong nước: Theo Nghị định 08/2022/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, các đơn vị sản xuất, nhập khẩu thuốc lá khi tiêu thụ sản phẩm tại thị trường trong nước có trách nhiệm đóng góp tài chính vào Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam với mức 60 đồng/bao thuốc lá 20 điếu; Thông tư 23/2021/TT-BTC của Bộ Tài chính hướng dẫn việc in, phát hành, quản lý và sử dụng tem điện tử rượu và tem điện tử thuốc lá làm phát sinh chi phí mua tem thuốc lá của các doanh nghiệp sản xuất thuốc lá là 18,184 đồng/con tem/bao thuốc lá.

Hoạt động xuất khẩu của Tổng công ty gặp khó khăn do dịch bệnh Covid-19 vẫn đang diễn biến phức tạp tại thị trường quốc tế; chi phí vận chuyển tăng cao, đối tác chuyển dịch sản xuất, tiến độ giao hàng kéo dài do tác động của cuộc xung đột giữa Nga và Ukraine; chính sách kiểm soát nhập khẩu thuốc lá của các quốc gia trên thế giới ngày càng chặt chẽ dẫn đến sự sụt giảm đơn hàng xuất khẩu.

2. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2022

Trong bối cảnh khó khăn chung của Ngành Thuốc lá, Công ty mẹ - Tổng công ty và các đơn vị thành viên đã tận dụng tốt cơ hội thay thế được một phần thuốc lá lậu trong giai đoạn thực hiện công tác kiểm soát biên giới nhằm phòng, chống dịch bệnh Covid- 19, đồng thời thực hiện đồng bộ nhiều giải pháp ngay từ đầu năm để ổn định

hoạt động sản xuất kinh doanh, đảm bảo đời sống và việc làm người lao động.

(Số liệu chi tiết tại Bảng số 1 đính kèm).

II- TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ VÀ THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN

Năm 2022, Tổng công ty thực hiện đầu tư 04 dự án nhóm B như sau:

- Dự án chuyên tiếp: 02 dự án.

+ Dự án đầu tư xây dựng Trụ sở làm việc Tổng công ty Thuốc lá Việt Nam tại số 30, phố Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội (Tổng mức đầu tư 145,858 tỷ đồng): Công trình đã hoàn thành, bàn giao đưa vào sử dụng, đang trong quá trình quyết toán dự án.

+ Dự án đầu tư thiết bị đồng bộ cho kho nguyên liệu và kho thành phẩm tại Công ty Thuốc lá Sài Gòn (Tổng mức đầu tư 155,516 tỷ đồng): Dự án được Bộ Công Thương chấp thuận điều chỉnh nguồn vốn đầu tư từ ngân sách nhà nước sang vốn tự có của Công ty. Thời gian thực hiện dự án được Công ty phê duyệt điều chỉnh đến ngày 31/12/2023.

- Dự án khởi công mới: 02 dự án.

+ Dự án mở rộng mặt bằng sản xuất cuộn điều – đóng bao cùng hệ thống kỹ thuật phụ trợ của Công ty Thuốc lá Thăng Long (Tổng mức đầu tư 68,631 tỷ đồng): Dự án đang trong giai đoạn chuẩn bị đầu tư, thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án.

+ Dự án đầu tư 01 máy in ống đồng nhãn tót của Công ty Cổ phần Cát Lợi (Tổng mức đầu tư 120,000 tỷ đồng): Dự án hoàn thành đấu thầu quốc tế lựa chọn nhà thầu cung cấp máy in ống đồng.

(Số liệu chi tiết tại Bảng số 2 đính kèm).

III- TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ TẠI CÁC CÔNG TY CON

1. Danh sách các công ty mà Công ty mẹ nắm trên 50% vốn điều lệ và tình hình đầu tư vào các công ty này.

(Số liệu chi tiết tại Bảng số 3 đính kèm).

2. Đánh giá tóm tắt tình hình hoạt động của các công ty này

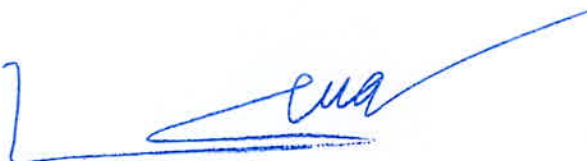
- Tình hình tài chính lành mạnh, hoạt động sản xuất kinh doanh về tổng thể có sự ổn định, tăng trưởng và hiệu quả.

- Thực hiện đầy đủ nghĩa vụ với ngân sách Nhà nước cũng như với các đối tác kinh doanh, thu nhập và đời sống của người lao động được đảm bảo. *ĐL*

Nơi nhận:

- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Ủy ban quản lý vốn Nhà nước tại DN;
- Trung tâm thông tin - UBQLVNN tại DN;
- Cục Phát triển Doanh nghiệp - Bộ KH&ĐT;
- Hội đồng Thành viên;
- Ban Tổng Giám đốc;
- Ban Kiểm soát TCT;
- Các ban: TCKT, ĐT, TCNS, TGĐN, QTRR;
- Lưu: VT, CLKHKD.

NGƯỜI CÔNG BỐ THÔNG TIN



CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN
Hồ Lê Nghĩa

MỘT SỐ CHỈ TIÊU SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2022

(Kèm theo Công văn số: 387 /BC-TLVN ngày 23 tháng 6 năm 2023 của Tổng công ty Thuốc lá Việt Nam)

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Công ty mẹ - Tổng công ty		Thực hiện năm 2022 của Công ty mẹ - Công ty con Tổng công ty
			Kế hoạch năm 2022	Thực hiện năm 2022	
1	Sản phẩm chủ yếu sản xuất				
a	Thuốc lá điếu	Triệu bao			4.329
b	Bánh kẹo	Tấn			3.574
2	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	3.600	4.138	22.956
3	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	539	690	1.857
4	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	539	669	1.466
5	Nộp ngân sách	Tỷ đồng	90	158	14.235
6	Kim ngạch xuất khẩu	Triệu USD	-	2	196
7	Tổng lao động	Người	535	503	7.398
8	Tổng quỹ lương	Tỷ đồng	122	153	1.880
a	Quỹ lương quản lý	Tỷ đồng	4	7	53
b	Quỹ lương lao động	Tỷ đồng	118	146	1.827

Ghi chú:

- KH kinh doanh năm 2022 của Công ty mẹ - Tổng công ty được Ủy ban phê duyệt tại Quyết định 110/QĐ-UBQLV ngày 29/3/2022.

- KH lao động, quỹ tiền lương năm 2022 của Công ty mẹ - Tổng công được Ủy ban phê duyệt tại Công văn 869/UBQLV-TCCB ngày 16/6/2022.

- Số liệu Tổng doanh thu, Lợi nhuận trước thuế, Lợi nhuận sau thuế, Nộp ngân sách là số liệu tại Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất đã kiểm toán của Tổng công ty Thuốc lá Việt Nam.

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN ĐẦU TƯ NĂM 2022

(Kèm theo Công văn: 387 /BC-TLVN ngày 23 tháng 6 năm 2023 của Tổng công ty Thuốc lá Việt Nam)

TT	Tên dự án	Tổng vốn đầu tư (tỷ đồng)	Vốn doanh nghiệp (tỷ đồng)	Vốn vay (tỷ đồng)	Vốn khác (tỷ đồng)	Tổng giá trị thực hiện tính đến 31/12/2022 (tỷ đồng)	Thời gian thực hiện dự án
	Dự án nhóm B						
1	Dự án đầu tư xây dựng Trụ sở làm việc Tổng công ty Thuốc lá Việt Nam tại số 30, phố Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội	145,9	145,9	-	-	108,5	Từ năm 2017 đến năm 2022
2	Dự án đầu tư thiết bị đồng bộ cho kho nguyên liệu và kho thành phẩm của Công ty Thuốc lá Sài Gòn	155,5	155,5	-		30,6	Từ năm 2011 đến năm 2023
3	Dự án mở rộng mặt bằng sản xuất cuốn điếu - đóng bao cùng hệ thống kỹ thuật phụ trợ của Công ty Thuốc lá Thăng Long	68,6	41,2	27,4		0,7	Từ năm 2022 đến năm 2023
4	Dự án đầu tư 01 máy in ống đồng nhãn tót của Công ty Cổ phần Cát Lợi	120,0	120,0			0,2	Từ năm 2022 đến năm 2024

**TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ VÀ SẢN XUẤT KINH DOANH TẠI CÁC CÔNG TY CON
DO CÔNG TY MẸ NĂM CỔ PHẦN CHI PHỐI NĂM 2022**

(Kèm theo Công văn: 387 /BC-TLVN ngày 23 tháng 6 năm 2023 của Tổng công ty Thuốc lá Việt Nam)

TT	Tên doanh nghiệp	Vốn điều lệ (tỷ đồng)	Tổng vốn đầu tư của công ty mẹ (tỷ đồng)	Tổng tài sản (tỷ đồng)	Doanh thu (tỷ đồng)	Lợi nhuận trước thuế (tỷ đồng)	Lợi nhuận sau thuế (tỷ đồng)	Lợi nhuận nộp về công ty mẹ (tỷ đồng)	Thuế và các khoản đã nộp nhà nước (tỷ đồng)	Tổng nợ phải trả (tỷ đồng)
I	Các công ty con do công ty mẹ nắm giữ 100% vốn điều lệ	4.900,0	4.954,0	12.186,7	12.817,9	742,8	578,0	304,7	8.859,3	6.959,3
1	Công ty TNHH 1 TV Thuốc lá Sài Gòn	2.692,5	2.692,5	5.773,3	5.915,5	532,5	417,3	243,7	4.157,3	2.756,1
2	Công ty TNHH 1 TV Thuốc lá Thăng Long	2.101,9	2.101,9	6.232,5	6.693,3	203,3	155,1	59,6	4.700,6	4.130,6
3	Công ty TNHH 1 TV Nguyễn Du	44,0	98,1	44,8	1,2	0,6	0,4	0,4	0,1	0,7
4	Viện Thuốc lá	61,6	61,6	136,0	207,9	6,4	5,1	1,0	1,3	71,9
II	Các công ty con do công ty mẹ nắm giữ trên 50% vốn điều lệ	804,4	441,9	3.750,0	8.495,3	836,1	657,5	251,2	4.251,7	1.508,0
II.1	Công ty con cổ phần	502,6	296,4	1.890,0	3.439,0	194,7	155,3	35,4	142,2	707,8
1	Công ty CP Hoà Việt	128,5	88,7	214,6	551,9	9,7	7,7	-	8,5	49,6
2	Công ty CP Ngân Sơn	112,0	74,0	290,3	572,3	9,0	7,1	1,9	2,9	114,8
3	Công ty CP Cát Lợi	262,1	133,7	1.385,1	2.314,9	175,9	140,5	33,4	130,8	543,5
II.2	Công ty con TNHH	301,8	145,5	1.860,0	5.056,3	641,4	502,2	215,8	4.109,5	800,2
1	Công ty TNHH Thuốc lá Hải Phòng	50,0	25,5	183,9	699,5	34,2	27,3	9,9	624,6	43,1
2	Công ty TNHH Vinataba - Philip Morris	68,0	19,4	461,8	870,7	39,0	26,1	19,2	516,7	206,4
3	Công ty TNHH Liên doanh VINA - BAT	139,1	71,0	1.099,6	3.211,1	564,9	446,5	186,7	2.958,8	488,7
4	Công ty Hải Hà - Kotobuki	44,7	29,6	114,8	275,0	3,4	2,3	0,08	9,4	62,0

Ghi chú:

- Nộp ngân sách = thuế GTGT + TTĐB + TNDN, bao gồm TTĐB gia công.
- Doanh thu = Doanh thu thuần + doanh thu tài chính + thu nhập khác.
- Lợi nhuận nộp về công ty mẹ chỉ bao gồm lợi nhuận còn lại, chưa bao gồm chênh lệch vốn.